

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM-ST

Ngày: 23-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST- KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc " tranh chấp hợp đồng tín dụng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D; địa chỉ: Số X đường Y, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Lê P - Nhân viên xử lý nợ, Phòng kinh doanh - Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D - Chi nhánh H (Văn bản ủy quyền số 01/2019/UQ-GĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019); có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D do ông Trần Lê P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07 tháng 6 năm 2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần D (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D, sau đây gọi tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh H và

Ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H ký hợp đồng tín dụng số 0161/2011/HDTD/GPB-HP có nội dung Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H vay số tiền 1.800.000.000đ để bổ sung vốn lưu động kinh doanh cây cảnh; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày rút tiền vay lần đầu tiên theo hợp đồng tín dụng; áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh; kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H với ngân hàng theo hợp đồng tín dụng là 01xe ô tô BMW 535i Gran Turismo 2009, biển kiểm soát 15A - 019.80 có giấy đăng ký xe ô tô số 014780 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 09 tháng 5 năm 2011 mang tên ông Nguyễn Văn C. Việc thế chấp tài sản đã được lập thành hợp đồng, được chứng thực tại Phòng Công chứng số 3 - thành phố Hải Phòng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 08 tháng 6 năm 2011, Ngân hàng giải ngân cho ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H vay số tiền 1.800.000.000đ theo khế ước nhận nợ số 0161.01/2011/KUNN/GPB-HP. Theo nội dung khế ước nhận nợ nêu trên, thời hạn vay kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2011 đến ngày 08 tháng 6 năm 2012; áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất cho vay kỳ đầu tiên 23,5%/năm; mục đích vay: Thanh toán tiền mua cây cảnh; hình thức giải ngân: Chuyển khoản cho bên bán; trả nợ gốc cuối kỳ, trả lãi vào ngày 08 hàng tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả nợ cuối cùng: ngày 08 tháng 6 năm 2012. Tuy nhiên sau khi được giải ngân số tiền trên, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, làm phát sinh nợ quá hạn.

Tháng 6 năm 2012, xe ô tô BMW biển kiểm soát 15A - 019.80 gặp tai nạn nên Ngân hàng, ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H và Công ty Bảo hiểm P (đơn vị bảo hiểm xe) đã thỏa thuận, Ngân hàng đứng ra giải quyết việc bồi thường và sửa chữa xe cho các bên có liên quan. Đến ngày 16 tháng 5 năm 2013, xe đã được sửa chữa xong và ngân hàng yêu cầu ông C, bà H thanh toán khoản nợ để nhận lại xe nhưng ông C, bà H đã đồng ý bán xe để trả nợ cho Ngân hàng.

Ngày 22 tháng 7 năm 2013, Ngân hàng đã ký hợp đồng bán đấu giá số 55/HĐ-BĐG với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá thành phố Hải Phòng để bán đấu giá xe ô tô BMW biển kiểm soát 15A - 019.80, giá khởi điểm đưa ra là 1.700.000.000đ. Tuy nhiên qua 03 phiên đấu giá liên tiếp vẫn không có người mua, đến lần đấu giá thứ 05 vào ngày 29 tháng 11 năm 2013, đã bán được tài sản bảo đảm với giá 1.297.000.000đ; sau khi trừ đi chi phí bán đấu giá, thuê định giá, sửa chữa thay thế phụ tùng phát sinh trong thời gian chờ bán tài sản bảo đảm, số tiền còn lại là 1.213.662.440đ đã được Ngân hàng trừ vào nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại là 586.337.560đ. Sau đó ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông C, bà H tiếp tục trả nợ cho ngân hàng nhưng ông C, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2019, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H còn nợ ngân hàng số tiền là 2.464.301.096đ (trong đó: nợ gốc 586.337.560, nợ lãi 1.877.963.536đ).

Nay Ngân hàng thương mại TNHH MTV D đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV D số tiền 2.464.301.096đ (trong đó: nợ gốc 586.337.560, nợ lãi 1.877.963.536đ) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 theo Hợp đồng tín dụng số 0161/2011/HDTD/GPB-HP, khế ước nhận nợ số 0161.01/2011/KUNN/GPB-HP cho đến khi ông C, bà H thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Ngân hàng rút yêu cầu về việc đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi với tổng số tiền là 68.625.370đ.

Đối với bị đơn là Ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H đã vắng mặt nhiều lần không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ vào khoản 14, Điều 4; các điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D, buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D số tiền 2.464.301.096đ (trong đó: nợ gốc là 586.337.560, nợ lãi phát sinh tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2019 là 1.877.963.536đ); ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV D khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0161/2011/HDTD/GPB-HP kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 cho đến khi ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D về việc đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng; bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H có nơi cư trú thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc vắng mặt của bị đơn:* Bị đơn, Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H.

[3] *Về yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn:* Căn cứ lời khai nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thấy: Ngân hàng và ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H đã ký hợp đồng tín dụng số 0161/2011/HDTD/GPB-HP có nội dung ngân hàng cho ông C, bà H vay số tiền 1.800.000.000đ. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H vay số tiền 1.800.000.000đ được thể hiện tại khế ước nhận nợ số 0161.01/2011/KUNN/GPB-HP ngày 08 tháng 6 năm 2011, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 08 tháng 6 năm 2012; mặc dù đến hạn trả nợ nhưng ông C, bà H chưa trả cho ngân hàng số tiền gốc 1.800.000.000đ. Tháng 6 năm 2012, do xe ô tô BMW biển kiểm soát 15A - 019.80 gặp tai nạn nên Ngân hàng, ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H và Công ty Bảo hiểm P (đơn vị bảo hiểm xe) đã thỏa thuận, Ngân hàng đứng ra giải quyết việc bồi thường và sửa chữa xe cho các bên có liên quan. Ngày 16 tháng 5 năm 2013, xe ô tô BMW biển kiểm soát 15A - 019.80 đã được sửa chữa xong, ngân hàng có văn bản yêu cầu ông C, bà H thanh toán nợ và nhận lại xe nhưng ông C, bà H không nhận lại xe và đồng ý để ngân hàng bán tài sản thế chấp. Ngân hàng đã ký hợp đồng với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hải Phòng tiến hành bán đấu giá xe ô tô BMW biển kiểm soát 15A - 019.80 theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên bán đấu giá tài sản lần thứ 05, được tổ chức vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 29 tháng 11 năm 2013 tại Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hải Phòng, ông Lê Huy T đã trả giá cao nhất cho xe ô tô BMW biển kiểm soát 15A - 019.80 là 1.297.000.000đ. Sau khi trừ đi chi phí sửa chữa xe phát sinh thêm 57.183.560đ (không bao gồm chi phí sửa chữa theo hợp đồng bảo hiểm); chi phí thuê định giá tài sản 3.300.000đ; chi phí liên quan bán đấu giá tài sản 22.854.000đ, tổng cộng là 83.337.560đ, số tiền còn lại 1.213.662.440đ được ngân hàng khấu trừ vào khoản nợ gốc. Sau khi thực hiện việc bán đấu giá tài sản, ngân hàng đã thông báo kết quả bán đấu giá tài sản và các khoản chi phí có liên quan đến việc sửa chữa xe, chi phí định giá tài sản, chi phí bán đấu giá tài sản cho bị đơn nhưng ông C, bà H không có ý kiến gì. Như vậy kể từ ngày bán tài sản bảo đảm, ông C và bà H còn nợ ngân hàng 586.337.560đ. Từ đó đến nay, ông C và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho ngân hàng nên yêu cầu của ngân hàng về việc buộc bị đơn phải trả nợ gốc 586.337.560đ là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Về yêu cầu trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn:* Tại mục 1 của khế ước nhận nợ, hai bên thỏa thuận "Thời hạn vay từ ngày 08 tháng 6 năm 2011 đến ngày 08 tháng 6 năm 2012"; tại mục 2 của khế ước nhận nợ có ghi "Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần vào ngày 08 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên là 23,5%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của

Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh; kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ". Như vậy từ ngày giải ngân đến ngày 08 tháng 6 năm 2012, bị đơn phải chịu lãi theo mức lãi suất trong hạn tính trên số tiền dư nợ gốc 1.800.000.000đ, bằng 408.922.874đ. Ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H đã trả 377.998.937đ nên còn nợ lại 30.923.937đ.

[5] Tại mục 1.1 Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang nợ quá hạn nên kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2012 đến ngày 29 tháng 11 năm 2013, bị đơn phải chịu lãi theo lãi suất nợ quá hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn được tính trên dư nợ gốc là 1.800.000.000đ, bằng 815.574.117đ.

[6] Kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23 tháng 9 năm 2018), bị đơn phải chịu lãi suất nợ quá hạn tính trên dư nợ gốc là 586.337.560đ, tương ứng với số tiền lãi phát sinh là 1.031.465.482đ.

[7] Như vậy số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23 tháng 9 năm 2019) là 1.877.963.536đ. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2019 là 1.877.963.536đ là có căn cứ, được Tòa án chấp nhận.

[8] *Về việc rút yêu cầu trả tiền phạt chậm trả lãi:* Tại phiên tòa, Ngân hàng có quan điểm rút yêu cầu về việc đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi với tổng số tiền là 68.625.370đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu trả tiền phạt chậm trả lãi của nguyên đơn.

[9] *Về khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 24 tháng 9 năm 2019:* Tại mục 1.2 Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi "*Lãi được tính từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu tiên. Tiền lãi được tính trên số dư nợ vay thực tế nhân với số ngày vay thực tế nhân với lãi suất tháng chia 30 hoặc nhân với lãi suất năm chia 360*", các bên không có thỏa thuận khác nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24 tháng 9 năm 2019), bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0161/2011/HDTD/GPB-HP cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[10] *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật. Trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí ngân hàng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 14, Điều 4; các điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D.

Buộc Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D số tiền 2.464.301.096đ (trong đó: nợ gốc là 586.337.560, nợ lãi phát sinh tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2019 là 1.877.963.536đ)

Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV D khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0161/2011/HDTD/GPB-HP kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 cho đến khi ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Kim H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D về việc đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi với tổng số tiền là 68.625.370đ.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H phải chịu 81.286.021 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV D 39.477.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai số 0004208 ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch